

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM**  
**KHOA LUẬT**



**TRỊNH VĂN LONG**  
**MSSV: 1354060100**

**ĐỀ TÀI: ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ**  
**THEO LUẬT ĐẦU TƯ 2014**

**CHUYÊN ĐỀ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**  
**NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2017**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM**

**KHOA LUẬT**

---



**TRỊNH VĂN LONG**

**MSSV: 1354060100**

**ĐỀ TÀI: ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ  
THEO LUẬT ĐẦU TƯ 2014**

**CHUYÊN ĐỀ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP  
NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**TS. NGUYỄN TÚ**

**Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2017**

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được bài báo cáo này, tôi nhận được rất nhiều sự giúp đỡ và tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới:

Cha mẹ tôi, người sinh thành và nuôi dạy tôi, cho tôi có điều kiện được đến trường những năm qua.

Thầy cô tôi, những người đã và đang truyền cho tôi những kiến thức để bước vào đời, không chỉ đại học mà cả những năm học phổ thông. Đặc biệt thầy, TS. Nguyễn Tú là người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ cho tôi để có thể hoàn thành bài báo cáo này.

Tập thể Văn phòng Luật sư Lê Nguyễn. Đơn vị đã giúp đỡ và tạo điều kiện và giúp đỡ cho tôi rất nhiều không chỉ trong học tập mà còn cuộc sống ngoài xã hội.

Cuối cùng, xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất tới cha mẹ, các thầy cô và toàn thể Văn phòng những lời chúc tốt đẹp nhất.

**NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN**

.....  
.....  
.....

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN**

**TS. NGUYỄN TÚ**

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Từ viết tắt</b>	<b>Từ được viết tắt</b>
<b>1</b>	<b>TPP</b>	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
<b>2</b>	<b>ACIA</b>	Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN
<b>3</b>	<b>TNHH MTV</b>	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
<b>4</b>	<b>TMCP</b>	Thương mại cổ phần
<b>5</b>	<b>DNNN</b>	Doanh nghiệp Nhà nước
<b>6</b>	<b>NHNN</b>	Ngân hàng Nhà nước
<b>7</b>	<b>MFN</b>	Nguyên tắc Đối xử tối huệ quốc
<b>8</b>	<b>NT</b>	Nguyên tắc Đối xử quốc gia
<b>9</b>	<b>Thuế TNDN</b>	Thuế thu nhập doanh nghiệp

**MỤC LỤC**

<b>LỜI CẢM ƠN.....</b>	<b>I</b>
<b>NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN.....</b>	<b>II</b>
<b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....</b>	<b>III</b>
<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>IV</b>
<b>PHẦN MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
1.    Lý do chọn đề tài.....	1
2.    Mục tiêu nghiên cứu.....	1
3.    Phạm vi nghiên cứu.....	1
4.    Phương pháp nghiên cứu.....	2
5.    Kết cấu của chuyên đề.....	3
<b>PHẦN 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẦU TƯ VÀ ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ.....</b>	<b>4</b>
1.1.    Một số thuật ngữ cơ bản.....	4
1.1.1.    Đầu tư .....	4
1.1.1.    Đảm bảo đầu tư.....	6
1.2.    Các nguyên tắc đảm bảo đầu tư .....	7
1.2.1.    Bảo đảm đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư.....	7
1.2.2.    Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư .....	8
1.2.3.    Nhà đầu tư được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà pháp luật không cấm .....	9
1.2.4.    Nhà đầu tư được tự chủ quyết định hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định .....	9
1.2.5.    Nhà nước tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến đầu tư..	9
<b>PHẦN 2. THỰC TRẠNG ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>11</b>
2.1.    Bảo đảm quyền sở hữu tài sản.....	11

2.2.	Bảo đảm hoạt động đầu tư kinh doanh .....	13
2.3.	Bảo đảm việc chuyển lợi nhuận và thu nhập hợp pháp .....	14
2.4.	Bảo lãnh của Chính phủ đối với một số dự án quan trọng .....	17
2.5.	Bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư khi có những thay đổi về chính sách pháp luật .....	20
2.6.	Bảo đảm cơ chế giải quyết tranh chấp .....	21
<b>PHẦN 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CƠ CHẾ ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ Ở VIỆT NAM .....</b>		<b>24</b>
3.1.	Xây dựng hệ thống pháp luật chặt chẽ .....	24
3.2.	Tăng cường tình thực thi của các chính sách pháp luật .....	24
3.3.	Thực xây dựng nền kinh tế thị trường thực chất .....	25
3.4.	Nhanh chóng tham gia ký kết Công ước ICSID .....	25
<b>PHẦN 4. KẾT LUẬN .....</b>		<b>27</b>
<b>DANH MỤC TỰ LIỆU THAM KHẢO .....</b>		<b>A</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>		<b>C</b>

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài**

Đầu tư luôn là mối quan tâm hàng đầu của bất kỳ quốc gia nào, dù phát triển hay đang phát triển. Nhà nước luôn tìm mọi cách để thu hút, duy trì và phát triển tốt môi trường đầu tư của mình. Để làm tốt điều đó, một trong những phương pháp được đưa ra là hàng loạt các chính sách để đảm bảo đầu tư, nhằm tạo uy tín, sự tin tưởng cũng như tạo ra một môi trường đầu tư thật sự có tiềm lực, thu hút tối đa các dự án đầu tư vào nước mình.

Với các nhà đầu tư nước ngoài, thông qua các chính sách đảm bảo đầu tư mà có thể cải thiện, nâng cao đáng kể lòng tin cũng như tranh thủ, tận dụng tối đa những chính sách từ phía từ phía chính quyền trong nước và hơn thế nữa.

Chính vì vậy, nghiên cứu về đề tài **“Bảo đảm đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư 2014”** trước tiên giúp cá nhân tác giả nhận thức đúng đắn về các chính sách đảm bảo đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài. Cùng với đó, tìm ra những ưu điểm, hạn chế trong các chính sách này để có cái nhìn rõ hơn về thực tế mà các chính sách này mang lại. Trên cơ sở đó, kiến nghị các giải pháp nhằm điều chỉnh chính sách cho phù hợp, hướng đến một môi trường đầu tư thực sự có hiệu quả.

### **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu lớn nhất mà đề tài hướng đến là kiến nghị những giải pháp hữu ích nhằm hoàn thiện và nâng cao tính thực thi các quy định của pháp luật về bảo đảm đầu tư tại Việt Nam.

Đây cũng có thể là nguồn tài liệu nằm trong danh mục tư liệu tham khảo trong các đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp cũng như các hoạt động học tập, nghiên cứu, giảng dạy về các chính sách đảm bảo đầu tư và các vấn đề liên quan.

### **3. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài chú trọng đến những chính sách đảm bảo đầu tư trong nước đối với hoạt động đầu tư tại Việt Nam, cơ sở pháp lý chủ yếu là luật Đầu tư 2014 và các văn bản



hướng dẫn. Bên cạnh đó, đề tài cũng đề cập đến các chính sách đảm bảo đầu tư theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết. Trên cơ sở phân tích các quy định của pháp luật và những khó khăn bất cập trong thực tế để đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về đảm bảo đầu tư.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Trải khắp toàn đề tài, tùy vào yêu cầu và tính chất của từng phần mà chọn phương pháp nghiên cứu cho phù hợp. Trong đó, bao gồm nhưng không giới hạn bởi một số phương pháp sau:

##### ***Phương pháp nghiên cứu lý thuyết***

Thu thập thông tin trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu đã có sau đó tổng hợp thành từng khía cạnh rồi bằng các thao tác tư duy logic để rút ra kết luận khoa học cần thiết.

##### ***Phương pháp so sánh***

Từ các quy định, phân tích từ các quy định pháp luật của Việt Nam đem so sánh với các hệ thống pháp luật ở các nước, hệ thống pháp luật khác nhằm tìm ra sự tương đồng và khác biệt sau đó kết hợp với các kiến thức về địa lý, lịch sử, tình hình kinh tế - xã hội để lý giải nguyên nhân, rút ra giải pháp tối ưu.

##### ***Phương pháp quan sát khoa học***

Dựa vào sự quan sát việc thực thi và áp dụng tại các cơ quan nhà nước cũng như các doanh nghiệp từ đó tổng hợp, đối chiếu, rút ra được tính thực thi của các quy định pháp luật trong thực tiễn.

##### ***Phương pháp phân tích tổng kết kinh nghiệm***

Trên cơ sở các chính sách của nhà nước thông qua pháp luật về đầu tư cũng như thực tiễn áp dụng các chính sách này nhằm rút ra được tính thực thi của pháp luật, vai trò của các chính sách, phương hướng hoàn thiện.

##### ***Các phương pháp nghiên cứu, viết bài khác***

Tùy thuộc vào nội dung của từng phần mà sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác hoặc kết hợp các phương pháp nghiên cứu nhằm tiếp cận vấn đề nhanh chóng, hiệu quả để phục vụ cho viết bài cho đề tài.

## **5. Kết cấu của chuyên đề**

Đề tài bao gồm ba nội dung chính, đó là:

**Thứ nhất**, tìm hiểu cơ sở lý luận chung về các chính sách đảm bảo đầu tư.

**Hai là**, phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam cũng như trong các hiệp định mà Việt Nam tham gia ký kết về đảm bảo đầu tư cũng như đưa những nhìn nhận, bất cập trong thực tế để thấy được những bất cập, hạn chế mà các chính sách đó mang lại.

**Ba là**, trên cơ sở những bất cập, hạn chế đó kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về đảm bảo đầu tư.

## **PHẦN 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẦU TƯ VÀ ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ**

### **1.1. Một số thuật ngữ cơ bản**

#### **1.1.1. Đầu tư**

Thuật ngữ Đầu tư được sử dụng khá rộng rãi từ trong các văn bản pháp luật cho đến sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Theo Luật đầu tư 2014, “*Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư*”<sup>1</sup>. Cũng theo đó, “*Dự án đầu tư là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định*”<sup>2</sup>.

Như vậy, theo Luật đầu tư Việt Nam thì hoạt động đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn để thực hiện 4 nhóm hoạt động kinh doanh bao gồm: thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư.

Còn Hiệp định về đầu tư toàn diện trong ASEAN (ACIA) lại nhìn nhận "đầu tư" nghĩa là mọi loại tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát bởi một nhà đầu tư, bao gồm nhưng không giới hạn như sau: 1. Động sản và bất động sản và tài sản khác như quyền thế chấp, cho vay hoặc cầm cố; 2. Cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá và bất kỳ hình thức tham gia khác vào một pháp nhân và quyền hoặc lợi ích phát sinh từ đó; 3. Quyền sở hữu trí tuệ mà được cho tặng theo quy định của pháp luật và quy định của mỗi nước thành viên; 4. Tuyên bố về tiền hoặc bất kỳ thực hiện hợp

<sup>1</sup> Khoản 5 Điều 3 Luật Đầu tư 2014

<sup>2</sup> Khoản 2 Điều 3 Luật Đầu tư 2014

đồng liên quan đến việc kinh doanh và có giá trị tài chính; 5. Các quyền theo hợp đồng, bao gồm trọn gói, xây dựng, quản lý, sản xuất hoặc hợp đồng chia sẻ lợi nhuận<sup>3</sup>.

Theo Hiệp định TPP, hoạt động hay dự án đầu tư là toàn bộ tài sản do một nhà đầu tư trực tiếp hay gián tiếp sở hữu và quản lý mang đặc điểm của một khoản đầu tư, bao gồm những đặc điểm theo đúng cam kết về vốn hoặc nguồn vốn khác, đặc điểm về mức doanh thu hay lợi nhuận kỳ vọng hoặc khả năng chấp nhận rủi ro<sup>4</sup>. Bên cạnh đó, Hiệp định này cũng liệt kê ra các hình thức đầu tư, đó là: doanh nghiệp; cổ phần, cổ phiếu và các dạng góp vốn tham gia vào doanh nghiệp; trái phiếu, tín phiếu, các công cụ nợ khác và các khoản vay; các hợp đồng tương lai, quyền chọn và các hợp đồng phái sinh khác; đầu tư theo hình thức trọn gói, xây dựng, quản lý, sản xuất, nhượng quyền, chia sẻ doanh thu và các hợp đồng khác; quyền sở hữu trí tuệ; giấy chứng nhận, ủy quyền, giấy phép và các quyền tương tự theo quy định của luật pháp của Bên tham gia Hiệp định; tài sản hữu hình hoặc vô hình, động sản hoặc bất động sản và quyền tài sản liên quan bao gồm cho thuê, thế chấp, cầm cố và bảo lãnh. Tuy nhiên, khoản đầu tư không bao gồm các quyết định hay phán quyết tư pháp hay hành chính.

So với quy định của các Hiệp định về đầu tư mà Việt Nam tham gia ký kết, cụ thể là Hiệp định TPP và ACIA thì giải thích về Đầu tư trong Luật Đầu tư của Việt Nam hiện hành còn rất là hạn hẹp, chỉ bao gồm 4 nhóm hoạt động được nêu ở trên trong khi đó TTP và ACIA lại nhìn nhận đầu tư bao gồm hầu hết các lĩnh vực thậm chí cả trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ, bất động sản, quyền thế chấp, tín chấp,... mà pháp luật Việt Nam chỉ điều chỉnh trong các văn bản pháp luật chuyên ngành hay Luật Thương mại, Luật Dân sự.... Mặc dù cả TTP và ACIA cũng như Luật Đầu tư Việt Nam đều dùng phương pháp liệt kê để mô tả những hoạt động được xem là đầu tư nhưng trong ACIA và TTP họ xem hoạt động đầu tư không chỉ những hoạt động được

---

<sup>3</sup> Điều 4 Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN

<sup>4</sup> Điều 9.1, Hiệp định TPP

liệt kê mà bao gồm tất cả những hoạt động mang tính chất đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn thực hiện với kỳ vọng thu được lợi nhuận.

Điều này làm cho không chỉ nhà đầu tư mà còn cả các cơ quan hành chính, cơ quan thực hiện chức năng tư pháp gặp không ít bối rối, lo ngại. Hoạt động nào được xem là hoạt động đầu tư ở Việt Nam khi mà có sự giải thích khác biệt giữa các Hiệp định đầu tư và Luật đầu tư trong nước. Mặc dù, theo quy định của pháp luật thì Hiệp định sẽ có hiệu lực cao hơn nhưng không phải mọi cơ quan đều hiểu và làm theo điều đó. Mặt khác, điều này lại nổi bật khoản nhất định của các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài. Pháp luật Việt Nam cần được thay đổi để phù hợp với các Hiệp định mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Hoạt động đầu tư được chia thành đầu tư trực tiếp và gián tiếp. Hoạt động đầu tư trực tiếp (FDI) là hoạt động trong đó người bỏ vốn trực tiếp tham gia điều hành quản trị vốn đầu tư đã bỏ ra, bao gồm các hoạt động đầu tư như trực tiếp bỏ tiền ra thành lập và điều hành văn phòng Luật sư chuyên tư vấn pháp lý hay hai bên ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC) xây dựng một chung cư để bán. Đầu tư gián tiếp (FII) là hình thức đầu tư thông qua việc mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác, quỹ đầu tư chứng khoán và thông qua các định chế tài chính trung gian khác mà nhà đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư. Có thể kể đến các hoạt động như gửi tiền tiết kiệm tại ngân hàng hay mua cổ phần của một công ty cổ phần với kỳ vọng giá cổ phần đó sẽ lên và bán ra kiếm lời.

### **1.1.2. Đảm bảo đầu tư**

Các biện pháp bảo đảm đầu tư là những biện pháp được thể hiện trong những quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các nhà đầu tư trong quá trình thực hiện hoạt động đầu tư với mục đích kinh doanh.

Các biện pháp bảo đảm đầu tư chính là những cam kết từ phía nhà nước với các nhà đầu tư về trách nhiệm của nhà nước tiếp nhận đầu tư trước một số quyền lợi cụ thể của nhà đầu tư. Các biện pháp này không những được thể hiện trong các văn bản pháp luật về đầu tư trong nước mà còn được thể hiện ở các điều ước quốc tế song

phương, đa phương mà nhà nước ta tham gia ký kết, không chỉ vậy đảm bảo đầu tư cũng được quy định rải rác ở các văn bản pháp luật ở nhiều lĩnh vực khác như: Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Sở hữu trí tuệ.... Với mỗi quy định cụ thể, phương pháp và cách thức để thực hiện đảm bảo đầu tư là khác nhau nhưng chúng đều mang những ý nghĩa nhất định của nó. Tuy nhiên, trong giới hạn bài viết này xin phép chỉ đề cập tới đảm bảo đầu tư trong các văn bản pháp luật về đầu tư bao gồm luật Việt Nam và một số Hiệp định về đầu tư mà Việt Nam là thành viên.

Như vậy, các biện pháp đảm bảo đầu tư có một tầm quan trọng là một trong những yếu tố quyết định đến hiệu quả của hoạt động đầu tư. Vì vậy, Việt Nam cũng như mỗi quốc gia trên thế giới đã và đang chú trọng đến việc ban hành cũng như hoàn thiện quy định pháp luật về vấn đề này để hoạt động đầu tư đạt hiệu quả cao nhất.

## **1.2. Các nguyên tắc đảm bảo đầu tư**

### **1.2.1. Bảo đảm đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư**

Khoản 4 Điều 5 Luật Đầu tư 2014 có quy định: *“Nhà nước đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế.”* Các quy định của pháp luật Việt Nam về các biện pháp bảo đảm đầu tư, khuyến khích đầu tư, quyền và nghĩa vụ của các nhà đầu tư đều được quy định chung cho các nhà đầu tư mà không có sự khác biệt, đảm bảo cho Nhà nước Việt Nam không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước với nhà đầu tư nước ngoài.

Cùng với đó, các cam kết quốc tế mà nhà nước Việt Nam tham gia ký kết cũng thể hiện nguyên tắc này, nội dung của nguyên tắc này được cụ thể hóa bằng nguyên tắc Đối xử tối huệ quốc (MFN) và nguyên tắc Đối xử quốc gia (NT). Theo đó, nội dung của nguyên tắc MFN quốc được hiểu là: *“Mỗi Bên phải dành cho nhà đầu tư của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của nước mình, hoặc nhà đầu tư của Bên không phải thành viên Hiệp định này trong*

những hoàn cảnh tương tự ....”<sup>5</sup>. Nguyên tắc NT được hiểu một cách tương tự, đó là: “*Mỗi Bên phải dành cho nhà đầu tư của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của nước mình trong những hoàn cảnh tương tự....*”<sup>6</sup>

Trong những hiệp định song phương được hình thành từ những thập niên trước, mặc dù được thể hiện có hơi chút khác biệt nhưng về nội dung của phương nguyên tắc này cũng được thể hiện rõ nét, như quy định tại Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam - Nhật Bản: “*Mỗi Bên Ký kết sẽ dành cho hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư của Bên Ký kết kia trong Khu vực của mình sự đối xử công bằng, thỏa đáng và sự bảo vệ và an ninh đầy đủ và lâu dài*”.<sup>7</sup>

Nguyên tắc đối xử công bằng, bình đẳng giữa các nhà đầu tư là một trong những nguyên tắc được xem là tối quan trọng, là những điều khoản cơ bản của luật trong nước cũng như các Hiệp định về đầu tư. Khi các nhà đầu tư được đối xử công bằng, khả năng cạnh tranh trên thị trường của họ được đảm bảo, đó là một trong những lý do làm cho họ quyết định sẽ đầu tư. Hơn thế nữa, đây còn nội dung quan trọng và có ý nghĩa to lớn trong việc tạo ra một môi trường đầu tư lành mạnh, tiềm năng theo xu hướng toàn cầu hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường trong nước.

### **1.2.2. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu về tài sản**

Hoạt động đầu tư mang đặc trưng riêng của nó là luôn gắn liền với tài sản, vốn đầu tư, thu nhập từ hoạt động đầu tư. Khi nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư vào nước mà họ không mang quốc tịch, được xem là nơi “xa lạ” với họ về tất cả phương diện từ đời sống, văn hóa cho đến pháp luật và tình hình an ninh chính trị. Không một nhà đầu tư nào mong muốn rằng khi họ thực hiện đầu tư ra nước ngoài mà không thể chuyển thu nhập của họ về hoặc một ngày nào đó nhà nước sở tại tuyên bố tài sản của họ bị quốc hữu hóa. Nhà nước tiếp nhận đầu tư ghi nhận nguyên tắc

---

<sup>5</sup> Điều 9.5, Hiệp định TPP; cũng được thể hiện trong Điều 6, Hiệp định Đầu tư toàn diện Asean

<sup>6</sup> Điều 9.4, Hiệp định TPP; cũng được thể hiện trong Điều 5, Hiệp định Đầu tư toàn diện Asean

<sup>7</sup> Điều 9.1, Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam - Nhật Bản cũng được thể hiện trong điều 4.b, Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam – Thái Lan

này tức là đảm bảo cho tài sản hợp pháp của họ luôn được nhà nước công nhận và họ có đầy đủ các quyền trên số tài sản hợp pháp này. Nguyên tắc này được thể hiện rõ hơn trong các điều khoản về đảm bảo đầu tư và sẽ được phân tích cụ thể hơn ở phần sau.

### **1.2.3. Nhà đầu tư được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà pháp luật không cấm**

Đây là một thay đổi lớn của pháp luật Việt Nam so với trước đây. Từ khi Luật Đầu tư 2014, Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thì đều ghi nhận các chủ thể của các luật này được đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm thay vì trước đây là đầu tư, kinh doanh trong các ngành nghề mà pháp luật cho phép. Đối với hoạt động đầu tư, các ngành nghề kinh doanh mà pháp luật cấm được quy định tại Khoản 1, Điều 6, Luật Đầu tư 2014. Tất nhiên, khi tiến hành các hoạt động đầu tư mà pháp luật không cấm thì nhà đầu tư vẫn phải thực hiện các thủ tục cần thiết cũng như cần có các điều kiện nhất định theo quy định, đặc biệt là đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

### **1.2.4. Nhà đầu tư được tự chủ quyết định hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định**

Nguyên tắc này thể hiện quyền tự định đoạt của các nhà đầu tư. Khi họ thực hiện đầu tư tức là họ phải bỏ tiền hoặc tài sản khác ra để thực hiện hoạt động đầu tư thì họ phải đòi hỏi quyền định đoạt của mình đối với hoạt động đầu tư kinh doanh đó. Nhà nước ghi nhận quyền cơ bản này của họ được xem là hợp lý và tất yếu để đảm bảo quyền cơ bản của các nhà đầu tư.

### **1.2.5. Nhà nước tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến đầu tư**

Khi Việt Nam tham gia ký kết các Điều ước quốc tế với các thành viên khác của điều ước thì tất nhiên những điều khoản của điều ước đó phải được ưu tiên sử



dụng, cho dù có sự khác biệt với pháp luật trong nước, chỉ trừ Hiến pháp nước nhà<sup>8</sup>. Điều này được ghi nhận trong Luật Đầu tư 2014, cụ thể như sau: “*Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó*”.<sup>9</sup>

Đây là một nguyên tắc quan trọng trong việc xác định luật áp dụng và phù hợp với pháp luật quốc tế, khi cùng một nội dung luật mà có nhiều văn bản quy định và có sự mâu thuẫn với nhau. Ngoại trừ Hiến pháp thì Điều ước quốc tế sẽ được ưu tiên áp dụng.

---

<sup>8</sup> Khoản 1, Điều 6, Luật Điều Ước quốc tế 2016, Hiến pháp có giá trị áp dụng cao nhất

<sup>9</sup> Khoản 3, Điều 4, Luật Đầu tư 2014

## **PHẦN 2. THỰC TRẠNG ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Bảo đảm quyền sở hữu tài sản**

Mọi nhà đầu tư có hoạt động đầu tư theo quy định pháp luật đầu tư của Việt Nam đều được bảo đảm về quyền sở hữu tài sản hợp pháp. Vốn đầu tư và tài sản hợp pháp của nhà đầu tư không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính<sup>10</sup>. Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia, nhà nước trung mua, trưng dụng tài sản của nhà đầu tư thì nhà đầu tư được thanh toán hoặc bồi thường theo giá trị trường tại thời điểm công bố việc trưng mua, trưng dụng<sup>11</sup>. Các biện pháp bảo đảm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các nhà đầu tư có hiệu lực kể từ khi các nhà đầu tư bắt đầu triển khai dự án đầu tư mà không cần phải thông qua bất cứ thủ tục hành chính nào khác. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tạo sự yên tâm về mặt pháp lý cho các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào Việt Nam, giúp họ yên tâm trước sự bảo hộ về tài sản hợp pháp của họ không bị quốc hữu hóa hay bất kỳ trường hợp nào khác trở thành tài sản của ai khác trên một đất nước mà họ được xem là người nước ngoài.

Trong các Hiệp định về đầu tư thì vấn đề thể hiện ý chí của các Nhà nước trong việc đảm bảo đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài càng được thể hiện sâu sắc và dường như đó là những nội dung tất yếu và cơ bản của một Hiệp định về đầu tư. Có thể kể đến như quy định tại Điều 3, Hiệp định khuyến khích và đảm bảo Đầu tư lẫn nhau giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Hà Lan, quy định như sau: *“1. Mỗi Bên ký kết sẽ bảo đảm đối xử công bằng và thỏa đáng đối với đầu tư của các công dân Bên ký kết kia và sẽ không áp dụng các biện pháp vô căn cứ hoặc phân biệt đối xử làm phương hại đến sự hoạt động, quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hoặc thanh lý những đầu tư của các công dân đó; 2. Đặc biệt mỗi Bên ký*

<sup>10</sup> Khoản 1 Điều 9 Luật đầu tư 2014

<sup>11</sup> Khoản 2 Điều 9 Luật đầu tư 2014

*kết sẽ dành sự an toàn và bảo hộ vật chất đầy đủ cho những đầu tư đó và trong bất kỳ trường hợp nào....”. Đặc biệt, tại Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) có quy định cụ thể: “Không Bên nào được phép thu hồi hoặc quốc hữu hóa một dự án đầu tư được bảo đảm cụ thể, bất kỳ dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các biện pháp tương đương với biện pháp thu hồi hoặc quốc hữu hóa, ngoại trừ: phục vụ cho mục đích công ích; thực hiện theo cách không phân biệt đối xử; để chi trả khoản bồi thường đúng lúc, đúng số lượng và đúng thời hạn theo quy định; theo đúng quy trình tố tụng chuẩn tắc quy định trong luật”<sup>12</sup>.*

Trong những năm gần đây, đặc biệt khi Việt Nam tích cực tham gia ký kết các Hiệp định về đầu tư cũng như Hệ thống pháp luật của nước ta dần ổn định thì vấn đề đảm bảo quyền sở hữu tài sản của nhà đầu tư được thực hiện khá tốt.

Song trong thời gian gần đây, báo chí trong nước có đăng có đăng một loạt các bài viết về “Ngân hàng Nhà nước mua lại hàng loạt các ngân hàng với giá 0 đồng”<sup>13</sup> liên quan đến việc nhà nước quốc hữu hóa tài sản của các nhà đầu tư. Đó là câu chuyện một loạt các ngân hàng như: OceanBank (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương), GPBank (Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu), CBBank (Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam) lần lượt được Ngân hàng nhà nước Việt Nam mua lại với giá 0 đồng và trở thành các Ngân hàng thương mại TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu. Các nguồn thông tin này làm dư luận hiểu theo nhiều chiều hướng khác nhau. Trong đó, có chiều hướng cho rằng, nhà nước đang quốc hữu hóa tài sản tư nhân, tài sản của các nhà đầu tư. Để lập luận theo hướng này, họ cho rằng: “Bằng việc mua lại này, NHNN đã chính thức thể hiện chủ quyền toàn bộ cổ đông hiện hữu của các ngân hàng này, dù là cổ đông lớn hay nhỏ, tổ chức hay cá nhân, để trở thành chủ sở hữu duy nhất, và ngân hàng trước đó trở thành ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu”. Do đó, việc chuyển đổi hình thức sở hữu ở các ngân hàng này từ sở hữu tư nhân (cổ phần) sang thuộc sở hữu hoàn

---

<sup>12</sup> Khoản 1, Điều 9.7, Hiệp định TPP

<sup>13</sup> Được đăng trên báo Tiền phong ngày 06/10/2015, báo Dân Trí ngày 24/10/2015, báo ANVT ngày 31/10/2015

toàn của Nhà nước thì về bản chất phải được gọi là quốc hữu hóa, biến một tài sản nào đó thuộc sở hữu phi nhà nước thành sở hữu nhà nước cho dù tài sản này có thể không còn giá trị gì.

Còn theo phía Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì cho rằng: “Để đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền cũng như sự an toàn của hệ thống ngân hàng, chỉ là việc mua bán bình thường, không phải quốc hữu hóa”<sup>14</sup>. Còn Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Hữu Nghĩa thì khẳng định việc NHNN mua lại các ngân hàng với giá 0 đồng là đúng luật, dựa trên Quyết định 48/2013/QĐ-TTg ngày 01/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ<sup>15</sup>. Tuy nhiên, cũng cần xem lại Nghị định đã phù hợp hay chưa?

## **2.2. Bảo đảm hoạt động đầu tư kinh doanh**

Nhà nước không bắt buộc nhà đầu tư phải thực hiện những yêu cầu như ưu tiên mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ trong nước hoặc phải mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ từ nhà sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ trong nước; xuất khẩu hàng hóa hoặc dịch vụ đạt một tỷ lệ nhất định; hạn chế số lượng, giá trị, loại hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu hoặc sản xuất, cung ứng trong nước; nhập khẩu hàng hóa với số lượng và giá trị tương ứng với số lượng và giá trị hàng hóa xuất khẩu hoặc phải tự cân đối ngoại tệ từ nguồn xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu; đạt được tỷ lệ nội địa hóa đối với hàng hóa sản xuất trong nước; đạt được một mức độ hoặc giá trị nhất định trong hoạt động nghiên cứu và phát triển ở trong nước; cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại một địa điểm cụ thể ở trong nước hoặc nước ngoài; đặt trụ sở chính tại địa điểm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền<sup>16</sup>.

Như vậy, không khác với đa số các quốc gia trên thế giới, nhà nước ta luôn đảm bảo cho các nhà đầu tư nước ngoài được tự do trong việc sản xuất, kinh doanh

---

<sup>14</sup> Theo bà Nguyễn Thị Hồng, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại cuộc họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 2/2015 diễn ra chiều nay (2/3/2015)

<sup>15</sup> Ông Nguyễn Hữu Nghĩa trả lời tại hội thảo “Định vị hệ thống ngân hàng sau tái cơ cấu” ngày 24/10/2015

<sup>16</sup> Điều 10, Luật Đầu tư 2014

của chính mình, không bị lệ thuộc vào bất kỳ yêu cầu nào mang tính can thiệp vào hoạt động riêng và hợp pháp của họ. Đây là điều đương nhiên và tất yếu của bất kỳ quốc gia nào trong việc đảm bảo đầu tư, dành cho những nhà đầu tư cái quyền tự do định đoạt trong khuôn khổ cho phép của pháp luật. Trong những năm gần đây, nhà nước ta đang chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường nên vấn đề này được nhà nước thực hiện khá tốt. Hơn nữa, nhà nước đang tiến hành quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, nhà nước dần rút khỏi việc can thiệp vào nền kinh tế. Tuy vậy, trong quá trình cổ phần hóa này vẫn còn điều mà doanh nghiệp lo lắng, đó là việc nhà nước can thiệp quá nhiều vào nhân sự cấp cao của doanh nghiệp đang trong quá trình cổ phần hóa, việc nhà nước chỉ định hay bổ nhiệm một công chức nhà nước nắm vai trò quản trị công ty đang trong quá trình cổ phần hóa mà ít theo theo năng lực thay vì như ở các quốc gia tiên tiến, một người có thể không có 1 đồng vốn nào nhưng vẫn được thuê làm chủ tịch HĐQT vì người đó có kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp. Như vậy, công tác nhân sự là do kết quả sản xuất kinh doanh yêu cầu và kết quả kinh doanh đó sẽ do thị trường trả lời, chứ không phải từ ý muốn chủ quan của người quản lý vốn. Đây là xu hướng đáng lo ngại, bởi điều này đi ngược với mô hình phát triển kinh tế theo hướng hiện đại mà Nhà nước đang cam kết xây dựng. Mặt khác, khi nhân sự do Nhà nước cử người quản lý và quyết định thì việc tự do định đoạt trong đầu tư kinh doanh cũng bị ảnh hưởng đáng kể.

### **2.3. Bảo đảm việc chuyển lợi nhuận và thu nhập hợp pháp**

Biện pháp bảo đảm đầu tư này được áp dụng với các nhà đầu tư nước ngoài có hoạt động đầu tư tại Việt Nam. Theo Luật đầu tư, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài các tài sản sau đây: (1) Vốn đầu tư, các khoản thanh lý đầu tư; (2) Thu nhập từ hoạt động đầu tư kinh doanh; (3) Tiền và tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của nhà đầu tư”.<sup>17</sup>

---

<sup>17</sup> Điều 11, Luật Đầu tư 2014

Chuyển lợi nhuận, thu nhập cũng là nội dung không kém quan trọng trong các Hiệp định về đầu tư, có thể kể đến như quy định tại Hiệp định Tự do, xúc tiến và bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Nhật Bản như sau: “*Mỗi Bên ký kết sẽ giành cho các công dân và công ty của Bên ký kết kia, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ trả thuế, được tự do chuyển: Các khoản chia lời, lợi tức và các khoản thu nhập vãng lai khác; lệ phí thu từ những quyền lợi vô hình; những khoản trả định kỳ cho các khoản vay; thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản đầu tư; bồi thường trả theo quy định; khoản thu nhập thông thường của các công dân Bên ký kết kia liên quan đến dự án đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết này*”.<sup>18</sup>

Thủ tục chuyển ra nước ngoài các khoản tiền liên quan đến hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối. Hình thức bảo hộ này mang ý nghĩa quan trọng và là điều quan tâm bậc nhất của các nhà đầu tư nước ngoài, bởi lẽ khi họ thực hiện đầu tư tất nhiên là họ mong muốn có lời, sinh ra lợi nhuận và họ phải được quyền định đoạt phần lợi nhuận đó, việc chuyển về nước họ hay chuyển đi đâu là quyền của họ, quyền lợi chính đáng. Về phía nhà nước, xây dựng quy định chặt chẽ về việc chuyển lợi nhuận về nước của các nhà đầu tư nước ngoài không những tạo được niềm tin, uy tín của nước tiếp nhận đầu tư mà còn giúp nhà nước kiểm soát tốt dòng tiền, dòng ngoại tệ ra, vào nước nhằm tránh tình trạng “chuyển lợi nhuận giả” hay “tẩu tán tài sản” của các nhà đầu tư nước ngoài,

Hiện nay, việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài được điều chỉnh bởi thông tư 186/2010/TT-BTC. Tuy nhiên, mỗi lo lắng khi áp dụng Thông tư này chính là việc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ cố gắng tìm kiếm các biện pháp hợp pháp khác để dịch chuyển lợi nhuận hợp pháp của họ ra nước ngoài trong năm, thay vì chờ đến đầu năm sau khi đã nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế địa phương. Các cách được họ sử dụng để chuyển lợi nhuận ra nước ngoài không theo quy định của Luật Đầu tư, thường là:

---

<sup>18</sup> Khoản 1, Điều 8, Hiệp định Tự do, xúc tiến và bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Nhật Bản

### ***Tiền bản quyền***

Theo quy định hiện hành thì tiền bản quyền phải chịu thuế nhà thầu với mức thuế nhà thầu hiện nay là 10% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tiền bản quyền theo hợp đồng. Các hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Việt Nam ký với gần 60 nước trên thế giới có quy định thuế đánh trên tiền bản quyền trong các mức từ 5%, 7,5%, 10% hoặc 15% tùy từng hiệp định.

Nếu đem so sánh với mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Việt Nam là 20% thì về lý thuyết, các nhà đầu tư nước ngoài đã tiết kiệm được từ 15-15% tổng số lợi nhuận ròng của công ty con của họ tại Việt Nam khi chuyển đổi hình thức từ việc trả tiền bản quyền thay vì cổ tức.

### ***Tiền lãi vay***

Một số nhà đầu tư nước ngoài có thể xem xét việc cho công ty con của họ tại Việt Nam vay tiền có tính lãi theo mức lãi phù hợp với quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Luật Việt Nam hiện hành chỉ quy định việc các hợp đồng vay trung và dài hạn phải đăng ký khoản vay với Ngân hàng Nhà nước, và thủ tục cũng khá đơn giản. Còn đối với hợp đồng vay ngắn hạn thì không cần phải đăng ký với NHNN.

Lãi tiền vay cũng sẽ chịu thuế nhà thầu nhưng chỉ ở mức thuế suất là 10%. Dem so sánh với thuế TNDN và các thuế khác thì các nhà đầu tư nước ngoài đã tiết kiệm được từ 5-10% tổng số lợi nhuận ròng của công ty con tại Việt Nam.

### ***Phí dịch vụ***

Các nhà đầu tư nước ngoài cũng có thể cung cấp một số loại dịch vụ cho công ty con của họ tại Việt Nam ví dụ dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật và được trả phí dịch vụ theo thỏa thuận giữa hai bên. Hợp đồng dịch vụ nói chung không phải thực hiện thủ tục đăng ký hoặc trình nộp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt

Nam. Việc chuyển tiền phí dịch vụ sẽ thực hiện các yêu cầu thủ tục giấy tờ về kiểm soát ngoại hối ít hơn so với việc chuyển tiền phí bản quyền.

### ***Chuyển giá***

Khi có hợp đồng mua bán được ký kết giữa công ty mẹ ở nước ngoài và công ty con ở Việt Nam liên quan đến việc công ty mẹ bán cho công ty con tại Việt Nam một số hàng hóa hoặc dịch vụ, với điều khoản thương mại thuận lợi cho công ty mẹ, thì công ty con sẽ phải trả cho công ty mẹ nhiều hơn và nhanh hơn thông qua nghiệp vụ chuyển giá. Phương pháp này hợp pháp chỉ khi giá chuyển nhượng là hợp lý và chính đáng.

Mặc dù Việt Nam hiện đã có quy định về chống chuyển giá nhưng trong thực tế, các nhân viên thuế địa phương còn lúng túng trong việc vận dụng các quy định này, nên trong một chừng mực nào đó chưa thể phát hiện được hết việc chuyển giá nội bộ giữa các công ty trong cùng tập đoàn.

Như vậy có thể thấy rằng việc giới hạn thời gian chuyển lợi nhuận của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thông qua việc ban hành Thông tư 186, xét về lý thuyết, sẽ góp phần giải quyết được tình trạng thiếu hụt ngoại tệ hiện nay trong ngắn hạn. Tuy nhiên, trên thực tế trong trung và dài hạn, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tìm mọi cách sử dụng các kênh giao dịch được phép khác như đã nói ở trên để gián tiếp chuyển lợi nhuận ra nước ngoài một cách hợp pháp mà có thể làm giảm nguồn thu về thuế và gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

## **2.4. Bảo lãnh của Chính phủ đối với một số dự án quan trọng**

Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bảo lãnh nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc doanh nghiệp nhà nước tham gia thực hiện dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng



Chính phủ và những dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng quan trọng khác<sup>19</sup>. Sau đây là những dự án được Thủ tướng Chính phủ:

<b>STT</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN</b>
<b>1</b>	<p>Dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án trong lĩnh vực năng lượng, khai thác, chế biến khoáng sản hoặc sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ xuất khẩu phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đáp ứng các tiêu chí:</p> <p>a) Là dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư công; và</p> <p>b) Thuộc lĩnh vực, địa bàn được Nhà nước khuyến khích đầu tư theo Luật Đầu tư.</p>
<b>2</b>	<p>Chương trình, dự án trong lĩnh vực năng lượng, khai thác và chế biến khoáng sản thuộc nhóm A theo Luật Đầu tư công:</p> <p>a) Đầu tư hạ tầng điện lực, đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện;</p> <p>b) Đầu tư nhà máy lọc dầu.</p>
<b>3</b>	<p>Chương trình, dự án thuộc lĩnh vực được Nhà nước khuyến khích đầu tư gồm:</p> <p>a) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông (đường cao tốc) có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên;</p> <p>b) Phát triển vận tải công cộng: Đầu tư mua máy bay theo chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>
<b>4</b>	<p>Các dự án đặc biệt do Chính phủ quyết định.</p>

**Bảng 2.1. Các chương trình, dự án được ưu tiên xem xét cấp bảo lãnh Chính phủ<sup>20</sup>**

Những dự án được Thủ tướng Chính phủ bảo lãnh là những dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng quan trọng, ảnh hưởng lớn đến xã hội. Đây cũng là biện pháp đảm bảo đầu tư quan trọng, một phần thể hiện vai trò, sự quan tâm và điều hành đất

<sup>19</sup> Điều 12, Luật Đầu tư 2014

<sup>20</sup> Danh mục này được ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ

nước của Chính phủ đối với những dự án quan trọng đó. Mặt khác, những dự án này là những dự án lớn, đòi hỏi nhà đầu tư phải có tiềm lực mạnh về tài chính, lượng vốn bỏ ra là rất nhiều nên việc cần sự bảo lãnh của chính phủ là cần thiết.

Thế nhưng, báo cáo của Bộ Tài chính mới đây cho biết, tính đến 31/12/2015, tổng số cam kết bảo lãnh Chính phủ là gần 26 tỷ USD, trong đó bảo lãnh vay nước ngoài hơn 21,8 tỷ USD, chiếm xấp xỉ 84%. Mà trong số các dự án được Chính phủ trước đó bảo lãnh là những dự án của các doanh nghiệp nhà nước, trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam được bảo lãnh nhiều nhất với hơn 9,7 tỷ USD, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là hơn 2,4 tỷ USD, Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam là hơn 647 triệu USD.... Các dự án được Chính phủ bảo lãnh lại tỏ ra hoạt động không mấy hiệu quả, có những tình trạng vi phạm nghĩa vụ trả nợ vẫn diễn ra làm ảnh hưởng không nhỏ tới nợ công trong nước.

Do đó, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ đạo, trong năm 2016, xem xét kỹ các dự án ngay từ giai đoạn phê duyệt chủ trương cấp bảo lãnh để hạn chế dần bảo lãnh Chính phủ. Từ năm 2017, tạm dừng phê duyệt chủ trương cấp bảo lãnh cho các dự án mới để đảm bảo an toàn nợ công. Trường hợp đặc biệt cấp thiết, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cấp bảo lãnh Chính phủ đối với từng trường hợp cụ thể.

Như vậy, để đảm bảo nợ công trong nước cũng như hạn chế việc bảo lãnh của Thủ tướng Chính phủ một cách tràn lan, không hiệu quả thì Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tạm dừng bảo lãnh đối với các dự án đầu tư mới được xem là khá hợp lý. Thế nhưng, là một chính sách đảm bảo đầu tư liệu có được xem là hợp lý hay không? Việc bảo lãnh của Chính phủ trong những năm gần đây cho thấy hiệu quả không được nhiều thì cần có cơ chế giám sát, quản lý chặt chẽ hơn là việc tạm dừng bảo lãnh như chỉ đạo của Thủ tướng. Bên cạnh đó, làm giảm niềm tin đáng kể của các nhà đầu tư, cũng một dự án mà trước đây họ có thể được bảo lãnh thay vì như bây giờ đã tạm dừng bảo lãnh.

## **2.5. Bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư khi có những thay đổi về chính sách pháp luật**

Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư cao hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư đang được hưởng thì nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của văn bản pháp luật mới cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án<sup>21</sup>.

Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án<sup>22</sup>.

Ngoài ra, trong trường hợp nhà đầu tư không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định tại của pháp luật về đầu tư thì được xem xét giải quyết bằng một hoặc một số biện pháp có thể là khấu trừ thiệt hại thực tế của nhà đầu tư vào thu nhập chịu thuế hay Điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư hoặc hỗ trợ nhà đầu tư khắc phục thiệt hại<sup>23</sup>.

Với tiêu đề “*Bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư khi có những thay đổi về chính sách pháp luật*”, thế nhưng khi đọc vào phần nội dung của điều luật này cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành thì chúng ta chỉ thấy đề cập tới việc đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư khi có sự thay đổi về ưu đãi đầu tư.

Đối với một dự án đầu tư, khi có sự thay đổi pháp luật chỉ quan tâm tới việc đảm bảo ưu đãi, xem ra đã đủ? Một dự án đầu tư, nhà đầu tư quan tâm đến rất nhiều khía cạnh như khả năng huy động tài chính, thủ tục, chuyển nhượng vốn, giải quyết tranh chấp không chỉ là ưu đãi đầu tư. Theo điều luật này, khi thay đổi chính sách pháp luật nhà đầu tư chỉ được bảo đảm quyền lợi về ưu đãi đầu tư thì xem ra chưa đủ,

---

<sup>21</sup> Khoản 1, Điều 13, Luật Đầu tư 2014

<sup>22</sup> Khoản 2, Điều 13, Luật Đầu tư 2014

<sup>23</sup> Khoản 4, Điều 13, Luật Đầu tư 2014

đặc biệt ở Việt Nam pháp luật lại thường xuyên thay đổi. Hiện tại, Luật Đầu tư có hiệu lực là Luật đầu tư 2014 nhưng Quốc hội đang xem xét và sửa đổi một số điều của Luật này, đặc biệt đối với Phụ lục 4 Luật Đầu tư về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Khi đó, một dự án đầu tư đã được nhà đầu tư trước đó thực hiện không thuộc dự án đầu tư, kinh doanh có điều kiện, sau khi có thay đổi pháp luật lại thuộc dự án đầu tư kinh doanh có điều kiện thì theo quy định như hiện nay nhà đầu tư sẽ vẫn phải thực hiện các thủ tục và đáp ứng các điều kiện theo luật mới mà trước đó luật cũ không yêu cầu đăng ký cũng như yêu cầu đáp ứng điều kiện. Như vậy, trong trường hợp thay đổi pháp luật sẽ có rất nhiều thứ thay đổi theo nhà nước cần quan tâm đảm bảo ở nhiều khía cạnh hơn không chỉ là về ưu đãi đầu tư như hiện nay.

## **2.6. Bảo đảm cơ chế giải quyết tranh chấp**

Một trong những chính sách đảm bảo đầu tư là đảm bảo cơ chế giải quyết tranh chấp, đảm bảo trong trường hợp xảy ra tranh chấp mà các bên không thể giải quyết được thông qua con đường thỏa thuận, hòa giải thì một trong hai bên, đặc biệt là nhà Đầu tư nước ngoài được chọn một cơ quan phán quyết để giải quyết tranh chấp sao cho họ có lợi nhất phù hợp với các điều ước và thông lệ quốc tế.

Cơ chế giải quyết tranh chấp được xây dựng dựa trên nguyên tắc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các nhà đầu tư. Theo đó, khi xảy ra tranh chấp liên quan đến đầu tư, các nhà đầu tư có thể lựa chọn một cách linh hoạt nhất, phương thức và cơ quan giải quyết tranh chấp cho mình theo Điều 14 Luật Đầu tư 2014. Những biện pháp được các bên lựa chọn để giải quyết mà có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài bao gồm: Tòa án Việt Nam, trọng tài Việt Nam, trọng tài nước ngoài, trọng tài quốc tế hoặc trọng tài do các bên thỏa thuận thành lập<sup>24</sup>.

---

<sup>24</sup> Khoản 3, Điều 14, Luật Đầu tư 2014

Giải quyết tranh chấp theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết, nhìn chung gồm 2 xu hướng chủ yếu.

Xu hướng cũ, sau khi mọi cố gắng (thương lượng, hòa giải, tham vấn) không thể giải quyết được vấn đề thì một Tòa án trọng tài sẽ được thành lập với 03 trong đó mỗi bên chỉ định một trọng tài viên, còn 01 trọng tài viên làm Chủ tịch thì do hai bên tự thỏa thuận hoặc nhờ Chủ tịch Trung tâm trọng tài quốc tế chỉ định. Các trọng tài biểu quyết theo đa số và quyết định của Hội đồng trọng tài là quyết định cuối cùng, ràng buộc tất cả các bên phải thực hiện<sup>25</sup>.

Xu hướng mới, theo như đã trình bày ở phần giải quyết tranh chấp Chương 1, sau khi trải qua thương lượng, hòa giải nếu vẫn không giải quyết được vấn đề trong thời gian mà hiệp định đó quy định thì một trong hai bên có thể làm đơn kiện lấy căn cứ chủ yếu là Hiệp ước ICSID. Hiệp ước ICSID thông qua ngày 18/3/1965 được ký kết tại Oashington (còn được gọi là Công ước Oashington 1965) và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 14/10/1966. Ngày nay, 155 quốc gia đã ký hiệp ước ICSID<sup>26</sup>. Hiệp ước ICSID có nhiều ưu điểm, nó đưa ra một hệ thống giải quyết các tranh chấp gồm các điều khoản chung và nguyên tắc về thủ tục cũng như các cơ quan hỗ trợ việc tranh tụng. Nó sẽ đảm bảo cho các tranh tụng không thất bại và hỗ trợ việc công nhận và thực thi các phán quyết. Trọng tài ICSID mang đến nhiều lợi ích chi nhà đầu tư cũng như quốc gia nhận đầu tư. Lợi ích cho nhà đầu tư khá rõ ràng: nó có thể tiếp cận trực tiếp với một diễn đàn quốc tế có hiệu quả khi có một tranh chấp xảy ra. Khả năng tìm đến trọng tài là một nhân tố quan trọng trong an ninh pháp lý của một quyết định đầu tư. Đến nay trọng tài ICSID đã giải quyết được trên 300 vụ tranh chấp lớn về đầu tư và nhiều và nhiều vụ đang trong quá trình xem xét.

---

<sup>25</sup> Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Singapore 1992, Điều 10 Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương Quốc Thái Lan 1991

<sup>26</sup> Thống kê của Ngân hàng thế giới (WB)

Như vậy, nhận thấy rằng Hiệp ước ICSID ngày càng có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp giữa quốc gia và nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt ở lĩnh vực đầu tư.

Hiện nay Việt Nam đang tích tham gia ký kết các Hiệp định về đầu tư cũng như thay đổi về các quy định pháp luật, thực hiện xúc tiến đầu tư, kêu gọi đầu tư... đã làm cho môi trường đầu tư trong nước tốt lên và thu hút được rất nhiều dự án đầu tư nước ngoài, làm cho số lượng nhà đầu tư tăng lên đáng kể chủ yếu ở lĩnh vực công. Thế nhưng đến thời điểm hiện tại, Việt Nam vẫn chưa tham gia ký kết Hiệp ước ICSID. Việc Việt Nam chưa là thành viên của Hiệp ước ICSID làm cho các nhà đầu tư có những lo lắng nhất định về vấn đề an toàn pháp lý khi xảy ra tranh chấp.

## **PHẦN 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CƠ CHẾ ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ Ở VIỆT NAM**

### **3.1. Xây dựng hệ thống pháp luật chặt chẽ**

Theo các quy định của pháp luật Việt Nam về đảm bảo đầu tư, nhìn một cách tổng quát thì khá đầy đủ nhưng thực tế vẫn còn những hạn chế nhất định như đã trình bày ở phần trước trước, đặc biệt là còn những sự thiếu thống nhất trong các văn bản pháp luật về đầu tư, vẫn còn những khác biệt rõ nét giữa quy định trong Luật đầu tư và các Hiệp định mà Việt Nam là thành viên hay những “lỗ hổng” không đáng có trong việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài như Thông tư 186 được đề cập ở trên mà các nhà đầu tư có thể lợi dụng làm phản tác dụng của các quy định của pháp luật, những điều đảm bảo còn nửa vời như đảm bảo trong trường hợp thay đổi pháp luật, bên cạnh những chính sách đảm bảo đầu tư chúng ta cần phải xây dựng được những chế tài đi kèm tránh trường hợp bị nhà đầu tư “vì lợi nhuận mà bất chấp tất cả” tác động xấu tới những lĩnh vực khác đặc biệt là môi trường. Thừa nhận việc thu hút đầu tư là quan trọng để phát triển nền kinh tế trong nước nhưng vấn đề phát triển bền vững càng quan trọng hơn cả.

### **3.2. Tăng cường tình thực thi của pháp luật**

Các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư là khá đầy đủ nhưng việc thực hiện nó còn được xem là chưa được hiệu quả. Các nhà đầu tư còn lo ngại quá nhiều đặc biệt là về thủ tục đầu tư. Thủ tục đầu tư của chúng ta đang được xem là quá rườm rà đặc biệt với các dự án nước ngoài, qua nhiều cửa mà mỗi cửa lại yêu cầu nhiều giấy phép con mà trong luật và các văn bản hướng dẫn không đề cập tới. Thêm vào đó là thời gian để chờ các thủ tục này rất dài theo luật định nhưng trên thực tế khoảng thời gian này còn dài hơn thế. Việc đảm bảo đầu tư có mạnh như thế nào đi chăng nữa nhưng đằng sau đó là một loạt điều bất cập khác và việc thực thi các chính sách này còn chưa tới nơi tới chốn thì cần phải thay đổi. Thủ tục đầu tư là cần thiết để nhà nước thực hiện vai trò quản lý của mình hiệu quả nhưng phải chuyên nghiệp, đơn giản hóa, để thủ tục không còn là nỗi lo ngại của các nhà đầu tư. Cơ chế một cửa đã được

thực hiện ở Việt Nam nhưng thực hiện vẫn chưa được hiệu quả so với các nước trong khu vực thì cần phải xem lại và yếu tố con người vẫn là quan trọng nhất, cần phải đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực cũng như tăng cường thanh tra, kiểm tra độc lập để kịp thời xử lý những trường hợp tiêu cực xảy ra, xây dựng bộ máy nhà nước hiệu quả.

### **3.3. Xây dựng nền kinh tế thị trường thực chất**

Nền kinh tế của Việt Nam hiện nay là nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng thực chất cộng đồng thế giới vẫn chưa công nhận chúng ta có nền kinh tế thị trường. Theo các tiêu chí về nền kinh tế thị trường mà EU đưa ra thì Việt Nam mới chỉ đáp ứng được 1 trên 5 tiêu chí<sup>27</sup>. Như vậy, đây là căn cứ rõ ràng để các nhà đầu tư nước ngoài lo ngại khi đầu tư vào Việt Nam mặc dù nhà nước ta luôn đảm bảo rằng quyền tự định đoạt của doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh cũng như đảm bảo sự công bằng, minh bạch giữa các nhà đầu tư. Khi xây dựng một nền kinh tế thị trường thực chất, được các nước trong khu vực và trên thế giới công nhận thì sẽ làm cho các nhà đầu tư nước ngoài họ yên tâm hơn khi đầu tư vào Việt Nam. Hơn thế nữa, khi giải quyết tranh chấp các cơ quan tài phán cũng không có căn cứ để “bất lỗi” bên phía Việt Nam trong tranh chấp. Thêm vào đó, như đã phân tích ở trên, để xây dựng nền kinh tế thị trường Nhà nước ta đã thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, thế nhưng khi các doanh nghiệp vẫn còn sự tri phối quá nhiều từ nhà nước mà không theo cơ chế thị trường, theo năng lực cũng như tình hình sản xuất kinh doanh làm cho các nhà đầu tư thêm phần lo lắng trong việc mua cổ phần từ việc cổ phần hóa DNNN.

### **3.4. Nhanh chóng tham gia ký kết Công ước ICSID**

Xuất phát từ nhu cầu của các nước tiếp nhận đầu tư và sự đòi hỏi của các nhà đầu tư nước ngoài về việc thiết lập và thực hiện một cơ chế giải quyết tranh chấp có hiệu quả giữa Nhà nước và nhà đầu tư nước ngoài theo cơ chế trọng tài thường trực của Công ước ICSID.

---

<sup>27</sup> Theo đại sứ Bruno Angelet, Trưởng phái đoàn Liên minh châu Âu (EU) tại Việt Nam, ngày 7/12/15



Các Hiệp định gần đây về đầu tư trong cơ chế giải quyết tranh chấp đã được các thành viên thỏa thuận theo ICSID. Như vậy, các hiệp định này có hiệu lực thực thi thì giải quyết tranh chấp về đầu tư của Chính phủ Việt Nam với nhà đầu tư đến từ các quốc gia thành viên sẽ phải theo Công ước ICSID. Do đó, Việt Nam cần thúc đẩy quá trình tham gia Công ước ICSID. Việc tham gia Công ước này sẽ cải thiện được tình trạng đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam một cách đáng kể một mặt làm cho nhà đầu tư nước ngoài an tâm về mặt pháp lý cũng như khi có tranh chấp xảy ra việc giải quyết tranh chấp này được giải quyết nhanh chóng một cách đáng kể, giảm được nhiều chi phí, thời gian của cả hai bên trong quan hệ đầu tư.

## **PHẦN 4. KẾT LUẬN**

Đảm bảo đầu tư luôn là vấn đề quan tâm của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Nhằm tạo sự tin tưởng, uy tín và thể hiện vai trò, vị thế đặc biệt của Nhà nước. Việt Nam đang trong bước đà phát triển nền kinh tế, trong đó có sự hiện diện của lĩnh vực đầu tư. Thừa nhận rằng, pháp luật Việt Nam về đầu tư đã và đang được hoàn thiện theo hướng tích cực, thu được nhiều kết quả rất khả quan. Tuy nhiên, còn rất nhiều bất cập, khó khăn, sự mâu thuẫn chông chéo không chỉ ở trong các quy định của pháp luật mà còn trong quá trình thực thi, áp dụng. Vẫn còn những khác biệt đáng kể giữa các văn bản luật trong nước và các văn bản luật mà chúng ta ký kết với các nước thế giới; vẫn còn những bất cập xảy ra bởi chính chế độ của chúng ta như chưa được công nhận nền kinh tế của chúng ta là nền kinh tế thị trường; vẫn còn những “lỗ hổng” để các nhà đầu tư có thể lách và chuyển lợi nhuận về nước không hợp pháp; vẫn còn sự cam kết mà chưa hành động như việc chúng ta cam kết giải quyết tranh chấp theo các Điều ước quốc tế nhưng cơ sở chung của các điều ước đó là công ước Oashinton 1965 thì chúng ta lại chưa tham gia;...Điều cần làm là chúng ta phải thay đổi, trước tiên là xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với các Hiệp định mà chúng ta tham gia ký kết, khắc phục những bất cập khó khăn, mâu thuẫn trong luật, đơn giản hóa thủ tục hành chính mà cụ thể là thủ tục đầu tư; tăng cường tính thực thi pháp luật bằng cách xây dựng và hoàn thiện cơ chế một cửa, đào tạo nhân lực, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý cũng như nhanh xây dựng nền kinh tế thị trường thực chất, tham gia Công ước Oashinton 1965 để cho việc giải quyết tranh chấp được thuận lợi, hiệu quả hơn. Việt Nam sẽ tạo được niềm tin đáng kể cho các nhà đầu tư cũng như cải thiện tốt hơn môi trường đầu tư trong nước.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
2. Nghị định 118/2015/NĐ-CP về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13;
3. Hiệp định Tự do, xúc tiến và bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Nhật Bản;
4. Cổng thông tin Cục Đầu tư nước ngoài, bộ Kế hoạch và Đầu tư;
5. Số liệu báo cáo của Tổng cục Thống kê và Cục Đầu tư nước ngoài về Đầu tư nước ngoài năm 2015;
6. Số liệu báo cáo FDI tháng 9/2016 của Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
7. Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP);
8. Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA);
9. Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Xingapo 1992;
10. Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương Quốc Thái Lan 1991;
11. Hiệp định về tự do xúc tiến đầu tư Việt Nam – Nhật Bản;
12. Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ Đầu tư lẫn nhau giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Hà Lan;
13. Đại sứ Bruno Angelet, Trưởng phái đoàn Liên minh châu Âu(EU) tại Việt Nam, đăng trên Thời báo kinh tế Sài Gòn ngày 7/12/15;
14. Thông tư 186/2010/TT-BTC ngày 18/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có lợi nhuận từ việc đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư;
15. Trang thông tin điện tử Chính Phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam <http://chinhphu.vn>

16. Trang điện tử báo Tiền Phong <http://www.tienphong.vn>
17. Trang điện tử báo Dân Trí <http://dantri.com.vn>
18. Ngân hàng thế giới <http://worldbank.org>
19. Và một vài nguồn tham khảo khác.

**PHỤ LỤC**  
**GIỚI THIỆU VỀ CƠ QUAN THỰC TẬP VÀ MÔ TẢ CÔNG VIỆC THỰC TẬP**

**1. Tên cơ quan thực tập**

Văn phòng Luật Sư Lê Nguyễn

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Phòng 702, Tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. HCM

**3. Sơ nét về lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của đơn vị**

Vào ngày 01 tháng 07 năm 2002, Văn phòng Luật sư Lê Nguyễn (“**Lê Nguyễn**”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký hoạt động số 41.01.0021/TP/DKKD do Sở Tư pháp TP.HCM cấp trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Luật & Tư vấn nhân sự (thành lập năm 1997) và Công ty Dịch vụ tư vấn L.N (thành lập năm 2002).

Hiện nay, Lê Nguyễn gồm Văn phòng chính ở thành phố Hồ Chí Minh và 2 chi nhánh ở Hà Nội và Đà Nẵng.

Với hơn 15 năm kinh nghiệm Lê Nguyễn đã và đang đại diện cho hàng trăm khách hàng Việt Nam và nước ngoài.

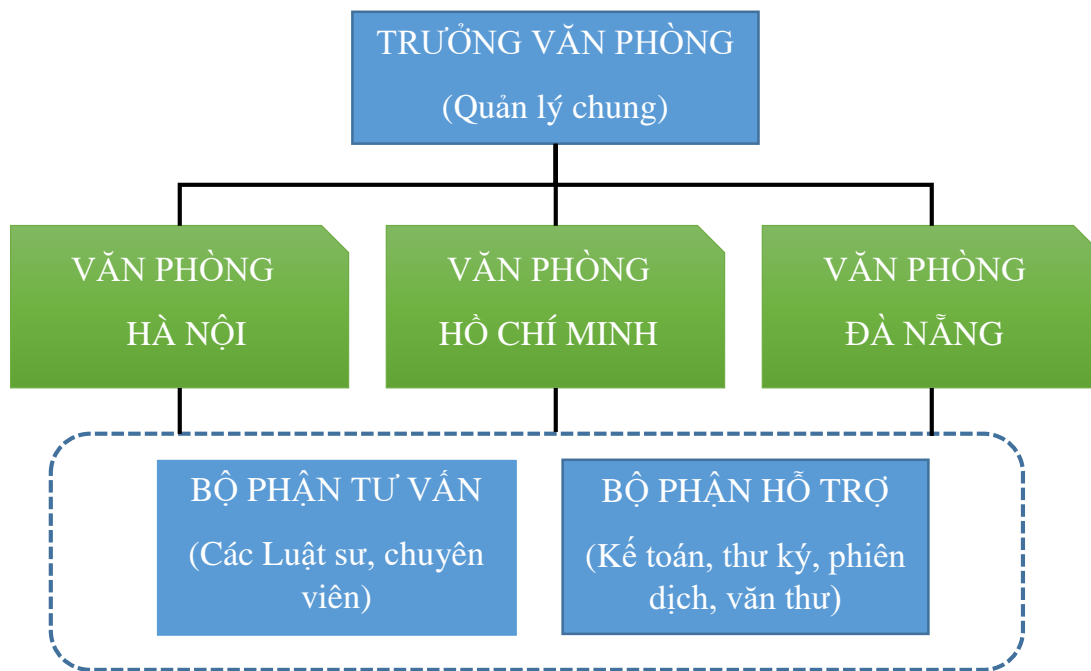
**4. Lĩnh vực hoạt động của đơn vị**

Lê Nguyễn là hãng luật cung cấp đa dạng và toàn diện các lĩnh vực pháp lý. Bao gồm:

- Pháp luật kinh doanh
- Tranh tụng tại Tòa án, Trọng tài
- Pháp luật lao động
- Bất động sản

- Di chúc và Ủy thác
- Luật Hôn nhân & Gia đình
- Luật Hình sự
- Bồi dưỡng pháp cho các cho các doanh nghiệp.

**5. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của đơn vị**



**Bảng PL.1. Sơ đồ tổ chức của Văn Phòng**

**6. Nhận xét sơ bộ của sinh viên về đơn vị thực tập**

Văn phòng Luật sư Lê Nguyễn với đội ngũ Luật sư, Chuyên viên chuyên nghiệp, sống và làm việc theo phong cách phương tây. Văn phòng đã và đang tư vấn, đại diện cho nhiều doanh nghiệp nổi tiếng không chỉ ở Việt Nam và trên thế giới. Đội ngũ Luật sư, chuyên viên với khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, họ có lượng kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn được tích lũy nhiều năm. Đặc biệt, với lợi thế về ngôn ngữ do nhiều năm học tập và công tác tại Nga và khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh cũng như những mối quan hệ trong nghề của Luật sư Trường Văn Phòng

Lê Thành Kính và một số Luật Sư đồng nghiệp đã tạo được nhiều lợi thế nhất định so với các Luật sư, hãng luật trong nghề, tạo bước đà phát triển cho Văn phòng.

**7. Vị trí và công việc mà sinh viên được phân công tại đơn vị, những việc sinh viên đã thực hiện trong thời gian thực tập tại đơn vị**

*a. Vị trí được phân công tại đơn vị: Sinh viên thực tập*

*b. Các công việc được giao tại đơn vị:*

- Soạn thảo thư tư vấn pháp lý
- Giao nhận hồ sơ pháp lý
- Các công việc văn phòng
- rà soát các văn bản pháp lý
- Tìm hiểu những vấn đề pháp lý được nêu
- Trả lời các câu hỏi pháp lý được đưa ra
- Và một số công việc khác.

**8. Những vấn đề pháp lý phát sinh từ đơn vị mà sinh viên đánh giá là có thể dùng để nghiên cứu và viết báo cáo chuyên đề thực tập của mình**

Về kiến thức, tại văn phòng có nhiều hồ sơ về các vụ án trong hầu hết các lĩnh vực để sinh viên thực tập có thể tham khảo. Bên cạnh đó, trong các vụ án giải quyết thường ngày, các luật sư, chuyên viên thường giao cho sinh viên thực tập làm những công việc liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp điều này giúp ích khá nhiều cho sinh viên thực tập về những kiến thức thực tế, có được những tình huống, số liệu.

Về kỹ năng, bên cạnh những lớp kỹ năng được tổ chức theo chuyên đề mỗi tháng nhằm cung cấp cho sinh viên thực tập những kiến thức cơ bản về tiếp xúc, trao đổi, đàm phán, tư vấn với khách hàng cũng như các kỹ năng soạn thảo, kỹ năng viết và các kỹ năng khác. Và thường xuyên có những nhiệm vụ để kiểm tra sinh viên. Với đội ngũ luật sư, chuyên viên thân thiện, nhiệt tình sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc cho

sinh viên. Những điều này giúp ích không ít trong việc giúp sinh viên hoàn thiện bài viết của mình cả về nội dung và hình thức.

**Sinh viên thực hiện**

**Trịnh Văn Long**

**MSSV: 1354060100**